

VĂN PHÒNG JASSO VIỆT NAM

JASSO VIETNAM OFFICE

岡田 叔子 (OKADA YOSHIKO)

2019年1月22日

● JASSOベトナム事務所について

● 学校の調べ方

● EJU

● 学費・生活費

● 奨学金

Japan Student Services Organization

日本学生支援機構 (JASSO)

1

奨学金事業

2

留学生支援事業

3

学生生活支援事業

JASSO は文部科学省が所管する団体です。

日本への留学を促進しています。

JASSO ベトナム事務所



- 無料で日本留学情報を提供
- ベトナムの高校、大学等で説明会を実施
- 日本留学フェア
- 日本留学試験(EJU)
- 日本の大学との連携

日本の高等教育機関

大学院

博士, 修士

学部

学士

短期大学

短期大学士

高等専門学校

準学士

専門学校

専門士・高度専門士

出願に必要な書類

- 高校または大学の成績証明書
- 高校または大学の卒業（見込）証明書
- 経費支弁能力を証明する書類

日本語教育機関を選ぶときのポイント

- 学ぶ目的は（大学進学、ビジネス日本語）
- クラス人数やレベル
- 学生の国籍
- 授業時間数
- EJUやJLPT、BJTの対策を行っているか
- 進路指導や生活相談を行っているか
- 学生は、希望の進学先に入学できているか
- 学費
- 住居（寮があるか、アパートか）
- 学校のまわりの環境

日本語教育機関の情報収集- MEXT

次のような情報が検索できます

- 学生数
- 学生の国籍別内訳
- 進学予備教育の実施状況
- JLPT受験状況
- EJU受験状況
- 主な進学先

日本語教育機関の情報収集- MEXT

http://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/ryugaku/1382482.htm

[トップ](#) > [教育](#) > [国際教育](#) > [大学生等の留学生交流・国際交流の推進](#) > [外国人留学生の受入れについて](#) > [外国人留学生への日本語教育](#) > [日本語教育機関について](#) > [日本語教育機関における外国人留学生への教育の実施状況の公表について](#)

● 日本語教育機関における外国人留学生への教育の実施状況の公表について

我が国国内で外国人留学生が日本語学習を行うことができる機関が、近年、学校数や学生数とも大幅に増加している状況を踏まえ、外国人留学生が我が国で日本語を学ぶ機関を探す際の参考となる情報として、日本語教育機関の教育の実施状況について以下のとおり公表いたします。

※ 平成29年3月31日現在、文部科学省の実施した調査に御回答いただいた機関についてのみ、掲載しております。

※ 件数が多いため、地方ごとに掲載いたします。

▣ [\[English\]](#)

▣ [北海道・東北](#)

▣ [関東\(東京除く\)](#)

▣ [東京都](#)

▣ [中部](#)

▣ [近畿](#)

▣ [中国・四国](#)

▣ [九州・沖縄](#)

【提出様式】新たに提出を希望する機関は、以下の様式を御利用ください。

▣ [日本語教育実施状況調査票\(日本語教育機関\) \(Excel:29KB\)](#) 

日本語教育機関の情報収集 - 準備教育課程

https://www.jasso.go.jp/sp/ryugaku/study_j/research/nihongokyouiku.html

環球日本語学習院 Kankyu Educational Academy

セントメリー日本語学院 St.Mary Japanese School

武蔵浦和日本語学院 Musashi Urawa Japanese Language Institute

日本学生支援機構東京日本語教育センター

Japan Student Services Organization Tokyo Japanese Language Education Center

長沼スクール 東京日本語学校 The Naganuma School, Tokyo School of Japanese

Language

淑徳日本語学校 Shukutoku Japanese Language School

新宿日本語学校 Shinjuku Japanese Language Institute

ジェット日本語学校 JET Academy

山野日本語学校 Yamano Japanese Language School

公益財団法人アジア学生文化協会 ABK Japanese Language Institute

東京国際大学附属日本語学校

Japanese Language School Affiliated With Tokyo International University

日本語教育機関の情報収集 - 準備教育課程

千駄ヶ谷日本語学校 Sendagaya Japanese College

赤門会日本語学校 Akamonkai Japanese Language School

K C P 地球市民日本語学校 KCP International Japanese Language School

メロス言語学院 Meros Language School

大原日本語学院 OHARA Japanese Language School

東京ギャラクシー日本語学校 Tokyo Galaxy Japanese Language School

国際ことば学院日本語学校 Kokusai Kotoba Gakuin Japanese Language School

静岡日本語教育センター Shizuoka Japanese Education Center

京都コンピュータ学院鴨川校京都日本語研修センター

Kyoto Computer Gakuin Kamogawa Campus Kyoto Japanese Language Training Center

関西語言学院 Academy of Kansai Language School

日本学生支援機構大阪日本語教育センター

Japan Student Services Organization Osaka Japanese Language Education Center

大阪 Y M C A 学院 Osaka YMCA Japanese Language School

九州英数学館国際言語学院 Kyushu Eisu Gakkan Japanese Language School / Kyushu

Eisu Gakkan International Language Academy

日本語教育機関の情報収集 - 留学生別科

https://www.jasso.go.jp/sp/ryugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html

The screenshot shows the top navigation and main content area of the JASSO website. At the top left is the JASSO logo (独立行政法人 日本学生支援機構). To its right is a search bar with the text '検索ワードを入力' and a '検索' button. Further right are links for 'FAQ', 'お問い合わせ', and 'English'. Below the search bar is a horizontal menu with buttons for 'ホーム', '奨学金', '留学生支援' (highlighted in blue), '学生生活支援', and 'JASSOについて'. A breadcrumb trail below the menu reads: 'ホーム > 留学生支援 > 日本への留学 > 留学する日本の学校を探そう > 日本語教育機関'. Below the breadcrumb is a language selector with 'Japanese' and 'English' options. The main heading '日本語教育機関' is displayed in a light blue box.

2018年4月25日更新

留学生別科

一部の私立大学・短期大学では、日本語学校と同じように日本語を学ぶことができます。大学進学希望者は、別科のある大学の推薦入学制度を利用できる場合もありますが、他の大学を受験することもできます。留学生別科は、日本語別科とも呼ばれます。

▶ [私立大学・短期大学留学生別科一覧](#) 留学生別科 (Excel)

▶ [「私立大学留学生別科とは」\(日本私立大学団体連合会ウェブサイト\)](#)

日本語教育機関の情報収集 - NISSINKYO（日本語教育振興協会）

https://www.nisshinkyō.org/search/index_e.html

The screenshot shows the website interface for NISSINKYO. At the top left is the logo and name: 一般財団法人 日本語教育振興協会 (Association for the Promotion of Japanese Language Education). Navigation links include 'アクセスマップ', 'サイトマップ', and 'お問い合わせ'. There is an 'ENGLISH' button and a search bar with a '検索' button. Below the search bar are buttons for '文字サイズ' (font size) with options '小', '中', '大'. A main navigation bar contains buttons for 'ホーム', '学校を探す', 'お知らせ', '評価・認定', '維持会員', '賛助会員', '協会とは', '公開資料', and 'カレンダー'. The main content area is titled 'Search for Japanese language school' and includes a sidebar with search filters: '日本語教育機関を探す', 'Search for Japanese language school', 'Search by region', 'Search by criteria', 'In alphabetical order', and 'Nisshinkyō Approved Business Japanese Language Schools'. The main text describes the organization's history and mission, and a table at the bottom provides search options: 'Search by region', 'Search by criteria', 'In alphabetical order', and 'Nisshinkyō Approved Business Japanese Language Schools'.

一般財団法人 日本語教育振興協会
NISSINKYO Association for the Promotion of Japanese Language Education

アクセスマップ サイトマップ お問い合わせ ENGLISH

維持会員専用 ページログイン

文字サイズ 小 中 大

SEARCH 検索

ホーム 学校を探す お知らせ 評価・認定 維持会員 賛助会員 協会とは 公開資料 カレンダー

Search for Japanese language school

日本語教育機関を探す

- Search for Japanese language school
- Search by region
- Search by criteria
- In alphabetical order
- Nisshinkyō Approved Business Japanese Language Schools

Search for Japanese language school

This organization was established in 1990 (Heisei 2) with the approval of the Ministers from the Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology, the Ministry of Justice and the Ministry of Foreign Affairs, with the aim of improving the quality of Japanese Language Institutes (Japanese language schools) in order to allow overseas students to study Japanese in untroubled environments.

Japanese Language Institutes reviewed and accredited by this association in accordance with "National Standards for the Operation of Japanese Language Institutes".

Search by region	Search by criteria
In alphabetical order	Nisshinkyō Approved Business Japanese Language Schools

EJU（日本留学試験） は、外国人留学生を対象とした試験で、日本の大学（学部）等に入学を希望する者について、日本の大学等で必要とする日本語力及び基礎学力の評価を行うことを目的に実施する試験です。

- ・ 科目：日本語、理科（物理・化学・生物）、総合科目、数学（コース1、コース2）
- ・ 学校の指定に基づき、科目を選択します。
- ・ 問題は、日本語版か英語版を選択します。
（ただし、日本語科目は、日本語のみ）

ウェブサイト:

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/index.html

98%

国立大学のほぼすべてが入学試験にEJUの結果を利用します。

48,000円/月

標準修業年限までJASSOの奨学金が
給付される権利があります。

2

- 1年に2回試験を実施します。
6月と11月
- 試験地:ハノイ貿易大学、ホーチミン人文社会科学大学

試験日: 2019年6月16受験 (日曜日)

出願期間: 2月12日から3月8日まで

受験料: 145,000 ドン

注意:

2019年4月から日本語学校に留学して、2020年4月に大学へ入学したい場合、2019年6月のEJU成績が必要になる場合が多い。

6月に日本でEJUを受験できるように、2月12日から3月8日の出願期間内に、ベトナムからEJUを応募しておくこと。

日本語学校の学費

	円	VND
1年 コース	400,000	80,000,000
	~ 850,000	~ 170,000,000
1年6カ月 コース	642,000	128,400,000
	~ 1,075,000	~ 215,000,000
2年コース	932,000	186,400,000
	~ 1,280,000	~ 256,000,000

(1円=200VND)

学費

大学（学部）1年間の学費と入学金の平均

	YEN	VND	
国立	817,800	163,560,000	
公立	932,519	186,503,800	
私立	1,122,199	224,439,800	(社会科学系平均)
	~	~	~
	5,096,305	1,019,261,000	(医学部平均)

(1円 = 200 VND)

生活費

学費を除く、一か月の生活費の平均:

全国平均 82,000 yên (~16,400,000VND)

雑費 JPY 7,000
(1,400,000VND)

趣味・娯楽費
JPY 6,000 (1,200,000VND)

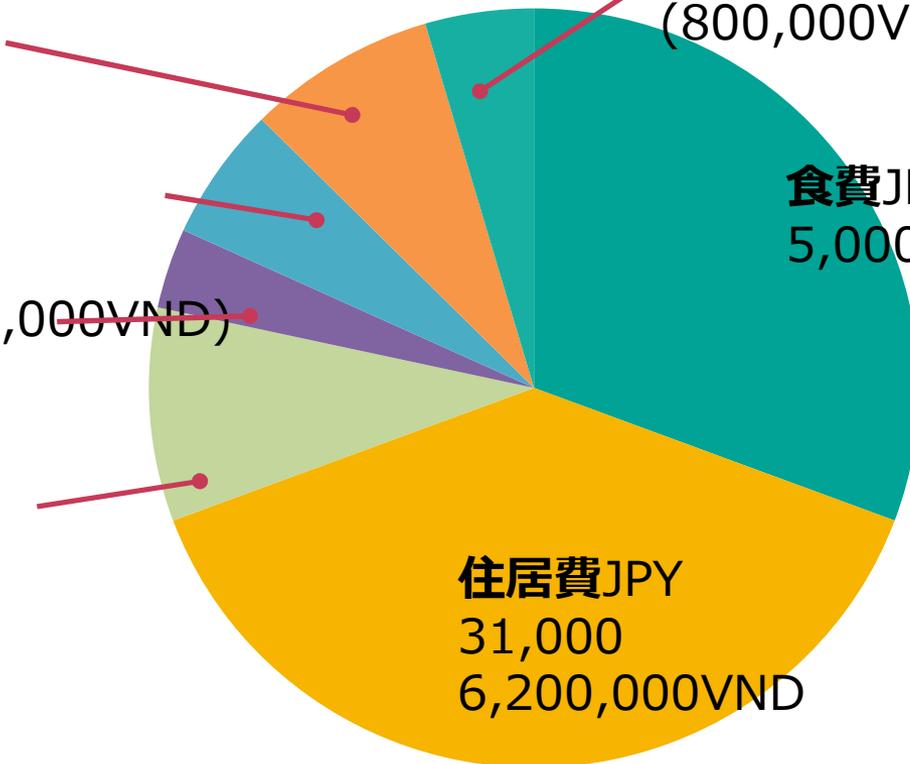
医療・保険費 JPY 2,000 (400,000VND)

光熱費 (電気・ガス・水道)
JPY 7,000 (1,400,000VND)

通学費 JPY 4,000
(800,000VND)

食費 JPY 25,000
5,000,000VND

住居費 JPY
31,000
6,200,000VND



奨学金

日本政府奨学金

JASSO奨学金

日本に行く前に応募する奨学金

日本に行ってから応募する奨学金

学校独自の奨学金



CẦN LƯU Ý VỀ CÁC CÔNG TY DU HỌC NHẤN MẠNH VIỆC “ĐI DU HỌC NHẬT BẢN CÓ THỂ KIẾM ĐƯỢC TIỀN”

Trong một số năm gần đây, một bộ phận các công ty tư vấn du học đã đưa tin sai lệch về du học Nhật Bản trên website của mình (mục thông tin tuyển sinh du học Nhật Bản) như sau:

- 

“Vừa học vừa làm thêm, một tháng có thể kiếm được 300.000 JPY (~3000 USD)” ▶ Không thể kiếm được số tiền như vậy
- 

“Một giờ có thể nhận được mức lương là 3,000 JPY (~ 30 USD)” ▶ Mức lương thông thường chỉ vào khoảng 7 USD
- 

“Trong thời gian du học, mức lương thu được từ việc làm thêm có thể trang trải toàn bộ chi phí học tập, sinh hoạt và dư một phần gửi về gia đình” ▶ Điều này là không thể. Du học là để đi học chứ không phải đi làm việc

NHỮNG ĐIỀU LƯU Ý KHI ĐI DU HỌC



Thời gian làm thêm một ngày là 4 tiếng, không quá 28 tiếng/tuần.



Cần có giấy phép “hoạt động ngoài tư cách lưu trú” mới được làm thêm.



Số tiền làm thêm trung bình nhận được là 900 JPY (8 USD)/giờ.



Số tiền làm thêm không đủ để trả học phí, sinh hoạt phí và tiết kiệm gửi về nhà.



Không làm thêm trong các cơ sở kinh doanh nhạy cảm như: sòng bạc, quán karaoke, trá hình, v.v dù cho bạn chỉ là nhân viên quét dọn trong đó.



Không cho người khác mượn thẻ ngân hàng hoặc mượn thẻ ngân hàng của người khác để sử dụng.



Sau khi mua xe đạp đừng quên làm “Đăng ký chống mất cắp”. Không cho người khác mượn xe của mình.



Không cho người lạ biết thông tin về nơi ở, thông tin cá nhân tránh trường hợp bị người khác sử dụng với mục đích phạm pháp.



Khi gặp rắc rối, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ người nước ngoài. Số điện thoại: 9110.

JASSO ベトナム事務所 連絡先

4th, CornerStone Building, 16 Phan Chu Trinh Street, Hoan Kiem District, Hanoi



info@jasso.org.vn



024-3710-0226

www.jasso.org.vn

JASSOベトナム事務所 連絡先

<https://www.facebook.com/JASSO.Vietnam/>



A screenshot of the JASSO Vietnam Facebook page. The page header includes navigation links: Trang, Tin nhắn, Thông báo, Thông tin chi tiết, Công cụ đăng, Cài đặt, and Trợ giúp. The profile picture is the JASSO logo, and the cover photo shows three students in a library. The page name is "Japan Student Services Organization - JASSO, Vietnam Office" with the handle @JASSO.Vietnam. Below the profile information are buttons for "Đã thích", "Đăng theo dõi", "Chia sẻ", and "Gửi tin nhắn". The main content area features a post with the text "Hãy viết gì đây..." and four interactive options: "Chia sẻ ảnh hoặc video", "Quảng cáo doanh nghiệp", "Tạo sự kiện", and "Viết ghi chú". On the right, there is a "Tổ chức cộng đồng" section with a 5.0 star rating and a "Mẹo về Trang" section with a "Xem tất cả" link.